

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M'ĐRẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 12 - 9 - 2024  
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thu Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Giang, bà Bùi Thị Thêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Linh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 6, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu N sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 6, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Hữu N đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2007 tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống với nhau đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, ông N đánh đập và đuổi bà H ra khỏi nhà. Từ năm 2014 bà H và ông N sống ly thân tới nay. Bà H nhận thấy vợ chồng không thể hòa hợp, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Hữu N có hai con chung là Nguyễn Trần Thái B sinh ngày 02/11/2008 và Nguyễn Trần Bảo T sinh ngày 11/01/2012. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Trần Bảo T đến khi trưởng thành và giao con Nguyễn Trần Thái B cho ông Nguyễn Hữu N nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông N tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2024:*

Ông và bà Trần Thị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M vào ngày 19/01/2007. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp. Ông N và bà H đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian đó ai sống bên phận người đó, không còn quan tâm tới nhau. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Trần Thái B sinh ngày 02/11/2008 và Nguyễn Trần Bảo T sinh ngày 11/01/2012. Sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trần Thái B và giao con Nguyễn Trần Bảo T cho bà H nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Đề nghị HĐXX tuyên xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

+ Về con chung: Giao con Nguyễn Trần Bảo T sinh ngày 11/01/2012 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Trần Thái B sinh ngày 02/11/2008 cho ông Nguyễn Hữu N nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk theo quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. HĐXX áp dụng Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/01/2007. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh và lời khai của nguyên đơn cũng như bị đơn cho thấy, nguyên đơn với bị đơn phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 và đã không còn chung sống từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng là thực tế và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về con chung:* Nguyên đơn và bị đơn có con chung là Nguyễn Trần Thái B sinh ngày 02/11/2008 và Nguyễn Trần Bảo T sinh ngày 11/01/2012, hiện đang sinh sống cùng nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng con Trâm, bị đơn có nguyện vọng nuôi con Bảo. HĐXX xét thấy, cha mẹ đều có quyền ngang nhau khi chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

con. Do đó, nguyện vọng nuôi dưỡng con của nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận giao con Nguyễn Trần Thái B cho bị đơn nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Trần Bảo T cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000731 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

- Về con chung:

Giao con Nguyễn Trần Bảo T, sinh ngày 11/01/2012 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Giao con Nguyễn Trần Thái B sinh ngày 02/11/2008 cho ông Nguyễn Hữu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

*Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.*

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.*

**2.** Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000731 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M;
- Đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đặng Thị Thu Hà**